

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Bộ Tài chính đề xuất giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng từ 4,000 đồng/lít xuống còn 3,000 đồng/lít và các loại dầu khác giảm mức 500 đồng/lít giúp giảm áp lực lo ngại lạm phát tăng cao

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, diễn biến trái chiều với thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VHM, KDC

## [Cập nhật doanh nghiệp]

BSR

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần tỷ trọng vị thế trading tại vùng hỗ trợ với các cổ phiếu mục tiêu.

04/03/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,505.33	+0.02
VN30	1,525.34	+0.19
HĐTL VN30F1M	1,513.00	-0.30
HNXIndex	450.59	+0.28
HNX30	821.57	+0.03
UPCoM	113.29	+0.09
USD/VND	22,841	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.29	-2
Lãi suất qua đêm (%)	2.27	+7
Dầu (WTI, \$)	108.34	+0.62
Vàng (LME, \$)	1,937.63	+0.09



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,505.33 (+0.02%)  
**KLGD (triệu CP)** 928.9 (+8.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 1,295.1 (-1.9%)

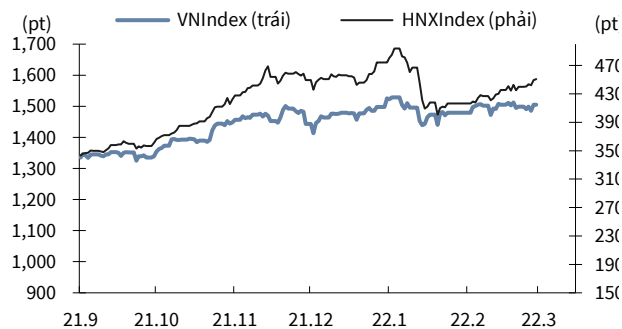
**HNXIndex** 450.59 (+0.28%)  
**KLGD (triệu CP)** 141.3 (+16.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 165.9 (+7.8%)

**UPCoM** 113.29 (+0.09%)  
**KLGD (triệu CP)** 141.4 (+27.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 79.9 (-16.7%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +22.6

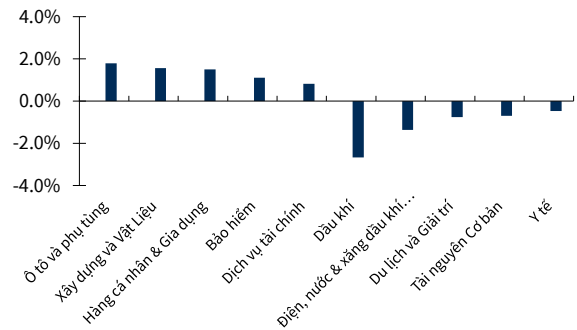
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Bộ Tài chính đề xuất giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng từ 4,000 đồng/lít xuống còn 3,000 đồng/lít và các loại dầu khác giảm mức 500 đồng/lít giúp giảm áp lực lo ngại lạm phát tăng cao. Số liệu từ Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cho biết trong tháng 2, nhà đầu tư trong nước mở mới tiếp tục ở mức cao 210,883 tài khoản chứng khoán, tăng hơn 16,000 tài khoản so với tháng trước tác động tích cực đến giá cổ phiếu ngành chứng khoán ở SSI (+2.4%), HCM (+1.3%). Cổ phiếu ngành gạo tăng giá ở AGM (+6.9%), LTG (+0.3%) trước thông tin giá gạo tăng cao khi đây được trở thành một lựa chọn thay thế cho lúa mì do cuộc khủng hoảng Ukraine. Khối ngoại mua ròng ở VPB (+1.7%), MSN (+1.4), PNJ (+2.1%).

## VNIndex & HNXIndex



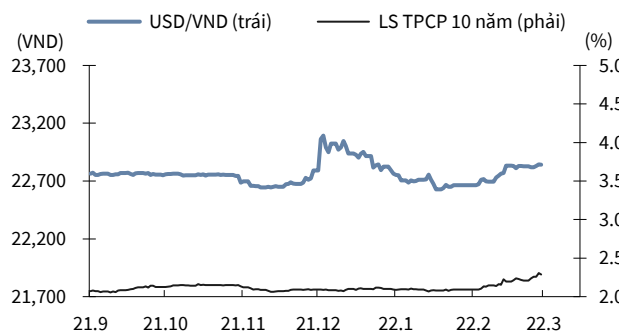
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

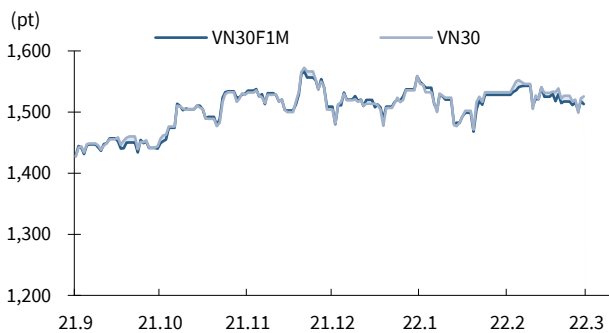
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,525.34 (+0.19%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,513.0 (-0.30%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,514.8</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,517.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,510.0</b>

Các HĐTL giảm điểm, diễn biến trái chiều với thị trường cơ sở. Chênh lệch F2203 và chỉ số VN30 mở cửa ở -4.99 điểm, cả phiên duy trì ở mức âm với biến độ được nới rộng lên tới -13.4 điểm và đóng cửa ở mức -12.3 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tiếp tục giảm.

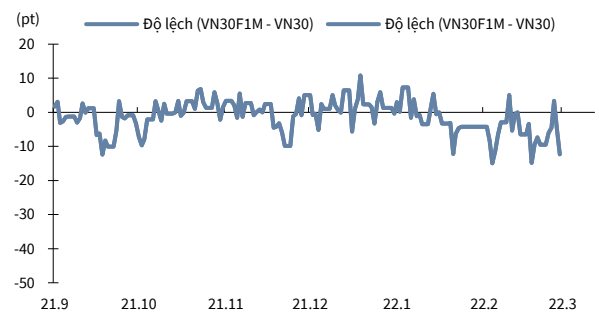
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>111,863 (-19.9%)</b>
------------------	-------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



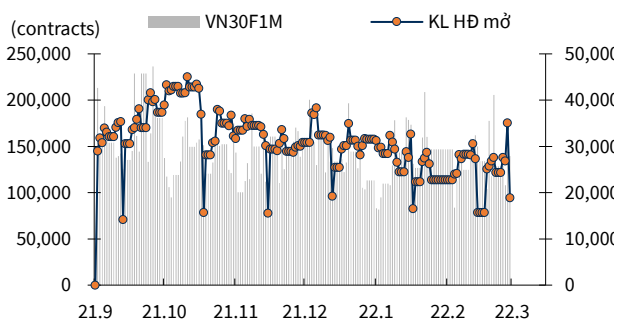
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



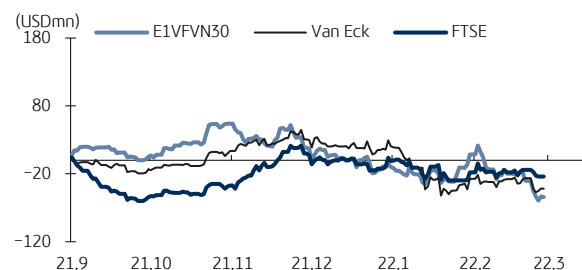
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

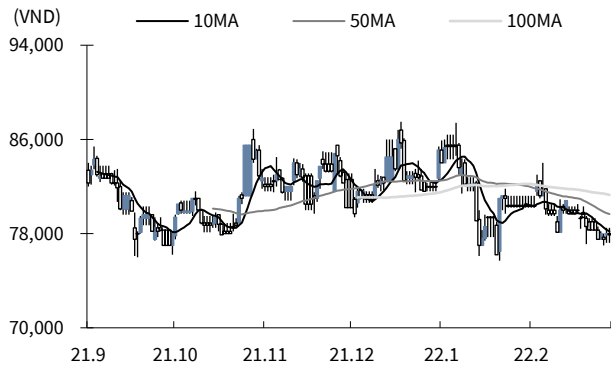
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Vinhomes (VHM)

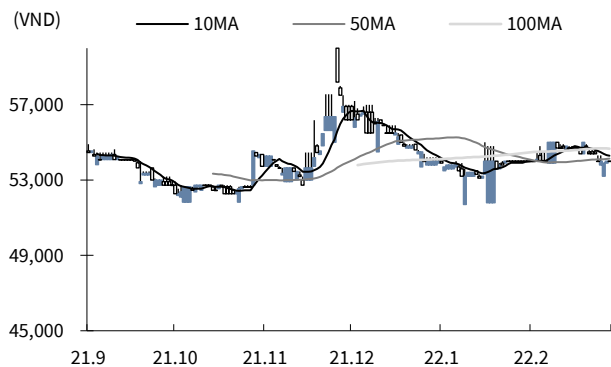


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHM giảm 0.1% xuống 77,900 VND/cp

- UBND TP Móng Cái ch biết đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị của CTCP đầu tư khu công nghiệp Vinhomes về việc làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án thành lập cụm công nghiệp số 1 và số 2 phía nam sông Lục Lâm, phường Hải Hòa, TP Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Hai cụm công nghiệp nêu trên có tổng diện tích gần 143 ha, trong đó cụm công nghiệp số 1 có diện tích 75 ha và cụm công nghiệp số 2 có diện tích 67.94 ha.

## CTCP Tập đoàn KIDO (KDC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDC không thay đổi ở 54,000 VND/cp

- Tập đoàn Kido công bố kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 900 tỷ đồng, tăng 38% YoY và doanh thu 14,000 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2021. Theo đó, kế hoạch cổ tức năm nay gồm 10% cổ phiếu và 6% tiền mặt. Tập đoàn sẽ tiếp tục phát triển sản phẩm/ngành hàng mới trong lĩnh vực thực phẩm thiết yếu

# CTCP Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)

## Triển vọng lạc quan nhờ giá dầu thế giới

04/03/2022

 Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang  
 quangtpt@kbsec.com.vn

**Lợi nhuận của BSR tăng trưởng mạnh mẽ từ mức LNST âm của năm 2020 nhờ sản lượng phục hồi và giá dầu neo ở mức cao**

**Giá dầu thô dự kiến tiếp tục tăng mạnh trong năm 2022 và 2023 hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của BSR**

**Tiếp tục hưởng lợi khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát và đối thủ cạnh tranh chính là NMLD Nghi Sơn gặp khó khăn hoạt động**

**Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 36,800 VNĐ/cổ phiếu**

Luỹ kế cả năm 2021, BSR ghi nhận doanh thu thuần đạt 101,079 tỷ VNĐ (+74.4 % YoY) và LNST đạt 6,673 tỷ VNĐ (cùng kì lỗ 2,858 tỷ VNĐ). Kết quả tăng trưởng mạnh mẽ này tới từ sản lượng phục hồi từ mức nền thấp của năm 2020 khi BSR thực hiện đại tu lần thứ 4 với 51 ngày ngừng hoạt động và giá dầu ở mức cao giúp cho giá bán các sản phẩm của BSR cao hơn.

Chúng tôi kì vọng những cổ phiếu dầu khí có độ tương quan chặt chẽ như BSR sẽ được hưởng lợi lớn nhờ đà tăng tiếp diễn của giá dầu. BSR, có cơ chế tính giá bán dựa trên giá dầu, cụ thể là neo vào bình quân 5, 10 và 15 ngày của giá Platts Singapore (giá tại nhà máy) cho mỗi sản phẩm xăng dầu và cộng thêm phần phụ trội dựa trên thoả thuận giữa BSR và khách hàng mỗi 6 tháng.

Chúng tôi kỳ vọng trong năm 2022 Dung Quất sẽ vận hành ổn định, với hiệu suất 108% trong năm 2022 do không phải thực hiện đại tu (BSR đại tu 3 năm/lần với khoảng thời gian 50 – 52 ngày, đợt gần nhất là năm 2020) và bù đắp sản lượng thiếu hụt do NMLD Nghi Sơn giảm công suất.

Dựa trên định giá DCF, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BSR. Giá mục tiêu là 36,800 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 29.6% so với giá tại ngày 03/03/2022

## Mua

### Giá mục tiêu

VNĐ 36,800

Tăng/giảm (%)	29.6%
Giá hiện tại (03/03/2022)	VNĐ28,400
Giá mục tiêu thị trường	VNĐ31,850

### Dự phóng KQKD & định giá

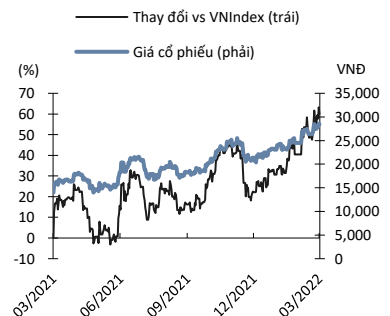
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	57,959	101,079	143,713	109,871
EBIT	(3,046)	6,545	10,201	7,958
LN sau CĐTS	(2,819)	6,705	10,310	8,070
EPS (VNĐ)	(909)	2,162	3,325	2,603
Thay đổi EPS (%)	-201.2	-337.8	54.0	-22.0
P/E (x)	-10.7	10.5	11.1	14.1
EV/EBITDA (x)	-61.3	7.3	8.0	9.7
P/B (x)	1.0	1.9	2.5	2.4
ROE (%)	-9.2	17.8	22.8	16.5
Tỷ suất cổ tức (%)	0.0	0.0	2.7	4.1

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	7.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	287.33
Sở hữu nước ngoài (%)	7.9%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (92.1%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
BSR	15.9	36.5	55.2	83.2
VNINDEX	13.9	30.9	37.6	42.3



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



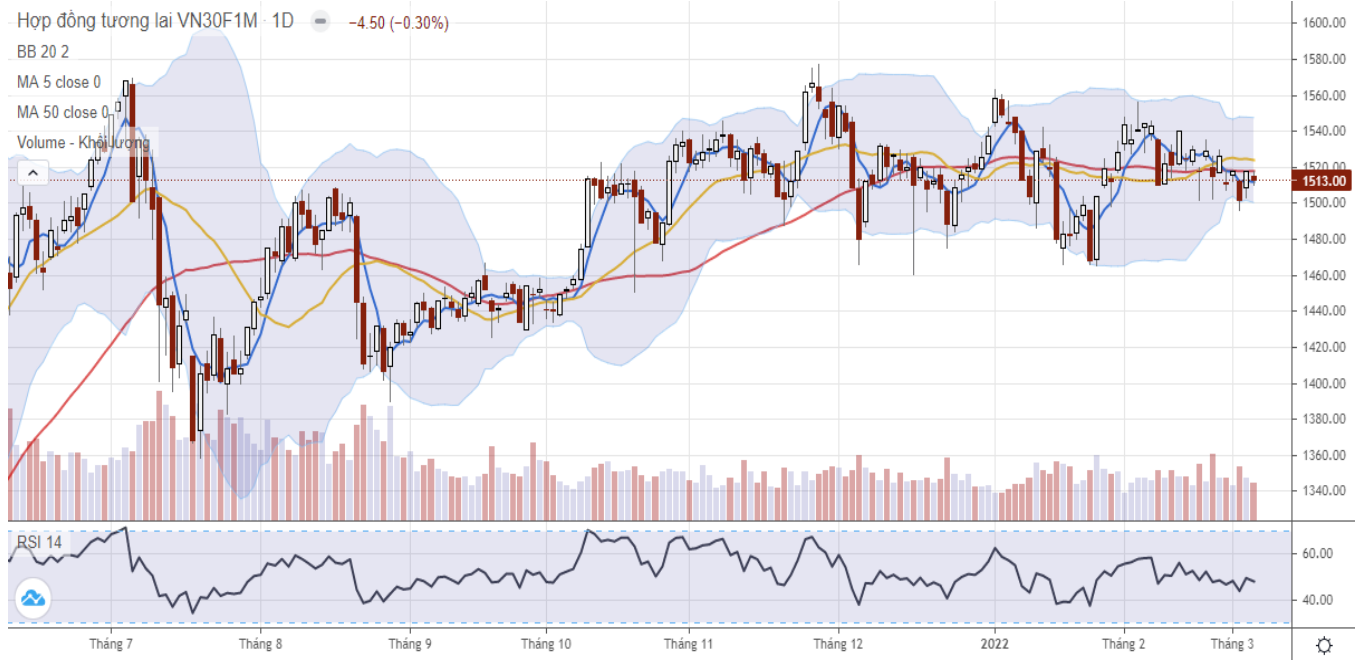
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến tăng điểm giảm co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen đến cuối phiên
- Vùng cản gần quanh 1520 cùng với áp lực bán cân tỷ trọng sau một phiên hồi phục tích cực đang gây cản trở cho đà đi lên của chỉ số. Mặc dù VNIndex có thể còn phải trải qua các nhịp điều chỉnh rung lắc trong phiên kế tiếp cơ hội mở rộng thêm nhịp hồi phục sau đó vẫn đang được đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần tỷ trọng vị thế trading tại vùng hỗ trợ với các cổ phiếu mục tiêu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1529 – 1534

**Kháng cự gần:** 1521 – 1525

**Hỗ trợ gần:** 1507 – 1510

**Hỗ trợ xa:** 1498 – 1502

- F1 mở gap giảm điểm ngay từ đầu phiên trước khi diễn biến giằng co trong biên độ hẹp đến cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh quanh vùng cản gần 1520 sau một phiên hồi phục tích cực đang gây cản trở cho đà đi lên của chỉ số. Mặc dù F1 có thể còn phải trải qua các nhịp điều chỉnh rung lắc trong phiên kế tiếp, cơ hội mở rộng thêm nhịp hồi phục sau đó vẫn đang được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu, nhưng dừng lỗ nếu bị phá vỡ.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

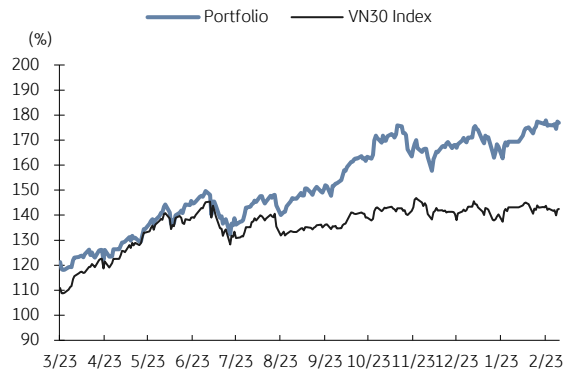
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.19%	-0.26%
Tăng lũy kế (YTD)	42.45%	76.93%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/03/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	135,800	-0.5%	78.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	56,200	-1.1%	142.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	106,200	2.1%	40.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	202,600	-0.2%	8.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	74,900	-1.1%	117.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,500	0.1%	217.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,750	0.5%	79.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	118,000	-2.2%	59.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	49,800	-0.6%	217.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	56,300	0.4%	321.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VPB	1.7%	15.0%	890.3
MSN	1.4%	28.8%	72.3
PNJ	2.1%	48.1%	69.5
DXG	0.2%	31.0%	65.2
DCM	1.3%	6.0%	64.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.6%	22.9%	
NLG	-1.1%	33.3%	
VNM	-0.6%	54.3%	
VRE	3.2%	30.0%	
VHM	-0.1%	23.9%	

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-3.2%	9.1%	6.9
PLC	-0.8%	2.0%	3.6
SCI	1.6%	4.2%	2.1
PVG	-3.5%	0.7%	0.8
VCS	-0.4%	3.7%	0.7

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	1.1%	8.1%	-4.4
VKC	-0.8%	4.4%	-3.4
ONE	9.9%	8.4%	-2.8
EID	-0.4%	24.4%	-2.1
SD9	9.3%	2.1%	-1.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	9.5%	YEG, PNC
Tài nguyên Cơ bản	8.7%	HPG, HSG
Hóa chất	7.4%	GVR, DCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.9%	GMD, PVT
Xây dựng và Vật Liệu	2.0%	VCG, HT1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-2.8%	VJC, HVN
Ngân hàng	-1.8%	BID, CTG
Dầu khí	-1.4%	PLX, PVD
Bán lẻ	-0.4%	MWG, AST
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.1%	POW, GEG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	21.5%	YEG, PNC
Hóa chất	13.4%	GVR, DGC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.8%	GEX, REE
Y tế	9.9%	DHG, TNH
Bảo hiểm	8.9%	BVH, BMI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-1.4%	HVN, VJC
Ngân hàng	-1.1%	CTG, BID
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.4%	POW, NT2
Bất động sản	1.7%	VIC, NVL
Thực phẩm và đồ uống	1.8%	SAB, VNM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	386,179 (17.0)	22.5	274.3	53.4	14.7	1.2	5.8	3.1	3.0	0.0	-0.1	-	18.6	-16.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	299,088 (13.1)	26.6	9.6	8.1	35.9	25.1	23.2	2.2	1.7	-0.1	-0.5	-3.0	-5.0	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	249,925 (11.0)	17.8	27.6	19.2	-7.6	9.1	10.8	2.3	2.2	3.2	-0.7	-3.4	12.1	
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	225,295 (9.9)	31.3	26.4	18.0	6.7	14.1	15.2	4.4	3.2	-1.3	0.9	-3.6	-15.4	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	66,325 (2.9)	11.6	23.1	15.8	18.0	15.5	-	3.2	2.8	0.0	2.4	9.2	7.1	
DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	408,874 (17.9)	13.9	19.3	21.3	-	14.8	12.4	2.6	2.5	0.2	1.9	30.0	25.7		
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	134,589 (5.9)	6.3	16.3	12.9	11.7	20.8	21.2	2.9	2.5	-0.7	-0.2	-4.6	7.7	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	136,440 (6.0)	12.7	14.5	11.0	-5.3	16.4	18.9	4.8	4.2	1.2	-2.8	-9.7	16.7	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	528,946 (23.2)	0.0	8.2	6.7	14.3	21.0	20.5	1.6	1.3	0.6	-1.5	-5.4	-0.1	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	365,747 (16.1)	1.4	8.9	6.9	61.1	18.3	20.3	1.4	1.2	0.5	-3.2	11.2	-3.4	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	728,811 (32.0)	0.0	11.5	9.2	18.8	15.9	16.6	1.7	1.4	1.7	-0.3	4.0	6.4	
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	693,887 (30.5)	0.0	9.0	7.6	14.6	22.2	21.3	1.5	1.2	-0.6	-3.5	-2.4	13.8	
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	187,855 (8.2)	4.2	7.8	6.7	23.3	21.8	19.8	-	-	-0.9	-4.3	-9.4	-9.2	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	781,996 (34.3)	14.0	11.4	7.7	26.5	14.2	18.7	1.6	1.4	0.5	-3.0	10.0	1.6	
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	286,080 (12.6)	0.0	9.3	7.9	37.5	22.2	22.3	2.0	1.6	-1.8	-2.9	-2.9	-0.7	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	31,091 (1.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.7	-9.7	-	15.9	-6.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	58,094 (2.5)	21.0	22.4	-	15.8	9.2	-	-	-	1.2	1.2	9.7	6.6	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	13,624 (0.6)	14.2	24.3	19.3	9.1	10.8	13.1	2.3	2.1	0.0	5.3	12.7	-8.3	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	418,581 (18.4)	55.4	20.8	19.6	-3.2	14.0	15.2	-	-	2.4	2.0	3.4	-10.0	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	163,713 (7.2)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.0	1.9	13.4	-12.8	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	140,498 (6.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.3	0.7	2.4	-16.4	
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	378,155 (16.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.3	-1.4	11.6	-6.1	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	161,901 (7.1)	42.1	16.2	14.9	4.0	31.3	32.9	4.6	4.4	-0.6	-1.3	-6.3	-9.8	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	25,184 (1.1)	36.9	23.5	19.9	7.3	19.9	21.3	4.3	3.9	-4.2	-5.7	7.6	6.0	
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	131,948 (5.8)	16.5	35.1	8.4	-51.9	17.9	23.0	5.8	4.7	1.4	2.1	12.8	-5.7	
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	106,417 (4.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	5.9	10.7	12.3	-17.6		
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	131,660 (5.8)	11.0	-	60.7	-88.5	1.0	10.1	-	-	-2.8	-3.9	14.4	8.7	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	134,850 (5.9)	10.8	22.3	20.5	-57.0	12.1	13.4	2.6	2.5	1.1	8.9	27.9	16.3	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	339,420 (14.9)	38.4	14.4	8.3	65.7	9.2	14.6	1.5	1.4	2.6	1.8	19.6	-27.8	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	119,209 (5.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	0.6	17.1	-39.0	
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	597,081 (26.2)	37.7	-	-	-13.2	-	-	-	-	0.6	1.3	17.7	2.5	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	50,110 (2.2)	3.6	25.5	22.2	-52.4	3.2	3.7	0.8	0.8	3.2	-5.5	-6.1	-15.1	
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	41,646 (1.8)	0.0	11.3	9.5	-4.5	14.4	14.8	1.6	1.4	-1.1	1.2	8.6	8.4	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	132,063 (5.8)	46.1	19.0	17.1	-17.5	22.0	23.7	4.1	3.7	-2.2	0.7	8.3	22.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,590 (0.6)	31.4	12.3	9.9	-10.5	14.3	15.8	1.5	1.4	0.0	0.9	2.5	-12.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,913 (0.2)	34.1	14.0	8.8	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	1.1	0.9	-0.9	-6.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,099,217 (48.2)	18.0	7.3	7.2	21.9	29.4	24.2	1.8	1.5	-0.6	8.5	18.0	7.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	363,927 (16.0)	36.5	9.9	15.2	-0.5	30.7	17.8	3.4	3.1	1.2	11.9	50.0	20.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	224,445 (9.8)	46.5	8.8	12.9	-4.5	29.9	17.6	2.3	2.0	1.3	16.5	49.3	9.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	396,115 (17.4)	38.9	7.2	7.1	67.9	24.0	20.4	1.5	1.3	-3.1	13.8	34.4	9.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	88,182 (3.9)	97.2	17.9	18.0	17.2	7.0	-	1.2	1.2	-0.5	3.4	11.5	-8.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	197,944 (8.7)	4.6	19.6	17.5	-51.0	15.3	16.9	2.9	2.8	-2.7	-2.1	8.9	13.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	294,199 (12.9)	39.9	31.0	15.5	-11.9	3.5	6.4	1.0	1.0	-2.5	2.6	15.1	18.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	114,702 (5.0)	35.9	10.1	8.8	1.2	17.2	16.4	1.5	1.2	-1.4	12.8	29.2	13.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	168,429 (7.4)	0.0	15.0	13.0	13.7	29.1	29.2	4.1	3.8	-0.5	-1.3	2.5	-0.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	122,480 (5.4)	0.0	17.9	14.5	2.4	21.5	21.7	3.5	2.9	2.1	-1.5	2.1	10.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	15,786 (0.7)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.6	21.0	62.5	20.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	152,815 (6.7)	30.3	25.9	14.0	-75.2	23.5	29.3	-	-	2.0	4.0	48.2	29.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	52,891 (2.3)	34.6	11.1	12.3	41.2	33.6	26.0	3.1	2.5	0.0	-0.5	4.0	14.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,875 (0.3)	45.4	19.9	18.7	10.7	19.3	18.8	3.6	3.2	-1.6	1.9	12.7	2.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	90,361 (4.0)	0.0	16.8	13.6	15.5	27.4	29.2	3.7	-	0.1	1.3	4.5	0.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.